

No: 314 / 21 / ASC / CV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Trụ sở chính: 117 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (028) 62589922 Fax: (028) 62589933

Người thực hiện công bố thông tin: ông Mai Văn Tùng – Tổng Giám Đốc Công ty

Loại công bố thông tin:

Định kỳ Bất thường (24h) Bất thường (72h) Yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần Âu Lạc công bố thông tin báo cáo tài chính đã kiểm toán 6 tháng 2021.

Thông tin công bố đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://aulac.com.vn>.

Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Nơi nhận:

- Như kính gửi (IDS)
- Trang web công ty
- Lưu VT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Mai Văn Tùng

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Âu Lạc

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 30

Công ty Cổ phần Âu Lạc

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Âu Lạc ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302704796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 4 tháng 9 năm 2002 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau đó, với GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23, vào ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 117 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thu Thủy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hình	Phó Chủ tịch
Ông Mai Văn Tùng	Thành viên
Bà Trần Ngọc Anh Đào	Thành viên
Ông Trần Linh Vĩ	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Đức Trường	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đình Thủy Tiên	Thành viên
Bà Đặng Thị Hồng Loan	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Ngô Thu Thủy và Ông Mai Văn Tùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Âu Lạc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Âu Lạc ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 10 năm 2021

Số tham chiếu: 61115482/22771068-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Âu Lạc

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) được lập ngày 5 tháng 10 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 8 và 11 của báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, tàu Aulac Fortune của Công ty đã bị hư hỏng nghiêm trọng do một sự cố nổ, cháy xảy ra vào ngày 8 tháng 1 năm 2019. Cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, tàu Aulac Fortune vẫn đang trong tình trạng hư hỏng nặng, dừng hoạt động và công ty bảo hiểm chưa bồi thường đối với giá trị bảo hiểm thân tàu. Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã phân loại giá trị còn lại của con tàu này từ khoản mục tài sản cố định hữu hình sang khoản phải thu ngắn hạn khác với số tiền là 332.438.567.047 VND. Việc ghi nhận này, theo chúng tôi, là chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình và Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo các qui định hiện hành này, giá trị tàu Aulac Fortune cần được tiếp tục ghi nhận là tài sản cố định hữu hình, và được khấu hao theo thời gian khấu hao được đánh giá lại dựa trên hiện trạng của tàu do sự cố nổ, cháy nêu trên tại ngày báo cáo. Theo đó, trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản mục “Nguyên giá” và “Giá trị khấu hao lũy kế” thuộc khoản mục “Tài sản cố định hữu hình” sẽ tăng với cùng số tiền là 332.438.567.047 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 332.438.567.047 VND), và khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước” sẽ giảm với cùng số tiền là 332.438.567.047 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 332.438.567.047 VND).

Ngoài ra, như đã trình bày tại Thuyết minh số 8, khoản mục phải thu ngắn hạn khác của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc cứu hộ tàu Aulac Fortune với số tiền 61.612.500.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 61.612.500.000 VND). Vào ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty cũng đã yêu cầu công ty bảo hiểm giải quyết bồi thường đối với các khoản chi phí này theo hợp đồng bảo hiểm mà Công ty đã ký kết với công ty bảo hiểm. Tuy nhiên, dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định khả năng thu hồi đối với khoản chi phí cứu hộ này. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục này trên báo cáo tài chính của Công ty trong các năm tài chính trước đó hay không và các ảnh hưởng có thể có đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Liên quan đến sự cố nổ, cháy như được trình bày tại Thuyết minh số 8 của báo cáo tài chính giữa niên độ, vào ngày 27 tháng 5 năm 2021, Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (“VIAC”) đã ra Phán quyết số 192/19 HCM (“Phán quyết 192”), tuyên buộc công ty bảo hiểm phải thanh toán cho Công ty với tổng số tiền là 495.373.079.569 VND, chủ yếu là giá trị bảo hiểm thân tàu Aulac Fortune, lỗi phạt quá hạn và các khoản chi phí liên quan đến tàu Aulac Fortune mà Công ty đã trả trước. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa nhận được bất kỳ phản hồi chính thức nào từ công ty bảo hiểm về việc sẽ thực thi các yêu cầu theo Phán quyết 192 này của VIAC. Thay vào đó, Công ty nhận được Thông báo số 99/TB-TLVDS từ Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“TAND TP. HCM”) đề ngày 14 tháng 7 năm 2021, thông báo rằng công ty bảo hiểm đã có đơn yêu cầu TAND TP. HCM tuyên hủy Phán quyết 192 nói trên. Vào ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này, yêu cầu hủy Phán quyết 192 của công ty bảo hiểm đang được TAND TP. HCM thụ lý, và do đó, kết quả sau cùng của yêu cầu bồi thường từ công ty bảo hiểm chưa được xác định.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận ngoại trừ đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 14 tháng 8 năm 2020. Đồng thời, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 19 tháng 3 năm 2021. Các kết luận ngoại trừ và ý kiến kiểm toán ngoại trừ đều liên quan đến việc giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty chưa được ghi nhận phù hợp và kiểm toán viên chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khoản phải thu ngắn hạn khác mà Công ty ghi nhận vào các ngày kết thúc kỳ kế toán như trên.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ERNST & YOUNG
VIỆT NAM

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 10 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		625.232.544.636	634.202.281.699
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	102.272.111.507	59.669.580.824
111	1. Tiền		17.372.111.507	24.669.580.824
112	2. Các khoản tương đương tiền		84.900.000.000	35.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		54.278.624.851	107.278.624.851
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	53.578.624.851	53.578.624.851
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	700.000.000	53.700.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		417.656.899.291	422.568.431.581
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	13.459.814.954	19.678.779.538
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	4.893.428.943	881.611.689
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	400.452.369.005	403.156.753.965
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.148.713.611)	(1.148.713.611)
140	IV. Hàng tồn kho	9	47.919.411.726	43.867.424.319
141	1. Hàng tồn kho		47.919.411.726	43.867.424.319
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.105.497.261	818.220.124
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	654.353.225	43.284.903
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.451.144.036	774.935.221
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		619.231.805.096	672.897.436.087
210	I. Phải thu dài hạn		113.855.982.100	112.414.439.300
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	113.855.982.100	112.414.439.300
220	II. Tài sản cố định		474.233.727.935	535.042.762.704
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	474.233.727.935	535.042.762.704
222	Nguyên giá		1.038.161.014.467	1.225.484.157.428
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(563.927.286.532)	(690.441.394.724)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		65.500.000	65.500.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(65.500.000)	(65.500.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		374.000.000	374.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		374.000.000	374.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5.3	4.737.815.334	4.867.344.530
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.174.000.000	7.174.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.436.184.666)	(2.306.655.470)
260	V. Tài sản dài hạn khác		26.030.279.727	20.198.889.553
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	25.421.850.445	19.590.460.271
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	608.429.282	608.429.282
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.244.464.349.732	1.307.099.717.786

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		244.754.849.039	303.071.588.739
310	I. Nợ ngắn hạn		164.137.186.039	185.118.368.739
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	19.372.235.614	27.001.712.029
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	9.637.686.483	10.277.275.476
314	3. Phải trả người lao động		41.906.873	33.512.712
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.150.653.819	1.475.813.828
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	46.576.768.085	9.407.461.529
320	6. Vay ngắn hạn	17	80.786.802.000	128.561.370.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	5.571.133.165	8.361.223.165
330	II. Nợ dài hạn		80.617.663.000	117.953.220.000
338	1. Vay dài hạn	17	80.617.663.000	117.953.220.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		999.709.500.693	1.004.028.129.047
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	999.709.500.693	1.004.028.129.047
411	1. Vốn cổ phần		564.706.200.000	564.706.200.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		564.706.200.000	564.706.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		254.725.820.000	254.725.820.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(64.308.111.200)	(64.308.111.200)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		80.513.234.690	80.513.234.690
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		164.072.357.203	168.390.985.557
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		127.428.318.357	135.447.701.422
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		36.644.038.846	32.943.284.135
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.244.464.349.732	1.307.099.717.786


Lê Hải Anh
Người lập


Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	19	176.224.933.795	268.312.751.526
10	2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	19	176.224.933.795	268.312.751.526
11	3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	20, 26	(173.946.443.015)	(227.085.152.973)
20	4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		2.278.490.780	41.227.598.553
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.342.542.433	6.415.249.613
22	6. Chi phí tài chính	22	(3.220.655.739)	(9.229.655.968)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.065.071.862)	(7.433.372.828)
25	7. Chi phí bán hàng	23, 26	(4.001.556.406)	(5.185.884.291)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 26	(14.317.286.017)	(13.510.389.129)
30	9. (Lỗ) Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.918.464.949)	19.716.918.778
31	10. Thu nhập khác	25	86.934.646.146	247.634.263
32	11. Chi phí khác	25	(24.726.476.390)	(6.378.101.573)
40	12. Lợi nhuận (lỗ) khác	25	62.208.169.756	(6.130.467.310)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47.289.704.807	13.586.451.468
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(9.475.665.961)	(2.728.448.694)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		37.814.038.846	10.858.002.774
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.5	739	212
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.5	739	212


Lê Hải Anh
Người lập


Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng


Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc



Ngày 5 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		47.289.704.807	13.586.451.468
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	11	47.878.086.342	52.259.058.646
03	Dự phòng		129.529.196	-
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(865.818.899)	889.974.857
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(78.441.573.355)	(5.721.261.237)
06	Chi phí lãi vay	21	3.065.071.862	7.433.372.828
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.054.999.953	68.447.596.562
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		871.824.576	(113.251.326.303)
10	Tăng hàng tồn kho		(9.474.903.748)	(281.362.209)
11	Giảm các khoản phải trả		(12.161.910.762)	(417.333.200)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(6.442.458.496)	8.301.557.660
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.437.880.932)	(7.604.054.213)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.845.780.841)	(7.000.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.960.090.000)	(4.247.738.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(25.396.200.250)	(56.052.659.703)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")		(42.800.000)	(6.072.073.182)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		96.922.184.809	-
24	Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn		53.000.000.000	22.000.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	810.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		2.706.038.366	5.613.876.305
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		152.585.423.175	22.351.803.123

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(84.318.620.000)	(77.485.140.000)
36	Cổ tức đã trả	18.4	(275.003.600)	(302.167.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(84.593.623.600)	(77.787.307.000)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		42.595.599.325	(111.488.163.580)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		59.669.580.824	136.541.002.250
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.931.358	(99.350.260)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	102.272.111.507	24.953.488.410


Lê Hải Anh
Người lập


Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng


Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc



Ngày 5 tháng 10 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302704796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 4 tháng 9 năm 2002 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) điều chỉnh, với GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 vào ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; dịch vụ hàng hải – kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải biển, dịch vụ thủ tục hải quan và các hoạt động liên quan khác.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 117, đường Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 245 (31 tháng 12 năm 2020 là: 262).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--------------------------------------|--|
| Phụ tùng, vật tư | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - chi phí nhiên liệu trực tiếp được xác định theo phương pháp nhập trước – xuất trước. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán hoặc phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để chi thưởng và nâng cao phúc lợi cho nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	252.302.287	343.958.189
Tiền gửi ngân hàng	17.119.809.220	24.325.622.635
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>84.900.000.000</u>	<u>35.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>102.272.111.507</u>	<u>59.669.580.824</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3,2% đến 4%/năm.

Công ty Cổ phần Âu Lạc

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021				Ngày 31 tháng 12 năm 2020				VND
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("EIB")	3.686.740	53.578.624.851	111.708.222.000	-	3.686.740	53.578.624.851	70.969.745.000	-	

5.2 Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

Số cuối kỳ thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với thời hạn trên ba (3) tháng nhưng dưới mười hai (12) tháng, và hưởng lãi suất 5,4%/năm.

5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020			VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Xăng dầu Nam Việt Sài Gòn	4.000.000.000	3.379.255.514	(620.744.486)	4.000.000.000	3.379.255.514	(620.744.486)	
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	2.120.000.000	582.359.820	(1.537.640.180)	2.120.000.000	600.216.858	(1.519.783.142)	
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	745.000.000	467.200.000	(277.800.000)	745.000.000	578.872.158	(186.127.842)	
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	309.000.000	309.000.000	-	309.000.000	309.000.000	-	
TỔNG CỘNG	7.174.000.000	4.737.815.334	(2.436.184.666)	7.174.000.000	4.867.344.530	(2.306.655.470)	

11/01/2021 10:00 AM 1301

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Minh Đức	8.177.536.664	4.688.891.185
Công ty TNHH Hưng Vượng Việt	2.868.125.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	1.141.508.102	5.097.636.858
Các khách hàng khác	1.272.645.188	9.892.251.495
TỔNG CỘNG	13.459.814.954	19.678.779.538
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.148.713.611)	(1.148.713.611)
GIÁ TRỊ THUẦN	12.311.101.343	18.530.065.927

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam	2.400.000.000	-
Maoming Ocean Shipping Logistics Co., Ltd	540.988.998	-
Các bên khác	1.952.439.945	881.611.689
TỔNG CỘNG	4.893.428.943	881.611.689

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	400.452.369.005	403.156.753.965
Bảo hiểm tàu Aulac Fortune (*)	394.051.067.047	394.051.067.047
Phí tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam	4.089.572.000	3.651.416.000
Lãi tiền gửi	205.072.251	1.106.424.658
Khác	2.106.657.707	4.347.846.260
Dài hạn		
Đặt cọc (**)	113.855.982.100	112.414.439.300
TỔNG CỘNG	514.308.351.105	515.571.193.265

(*) Tàu Aulac Fortune với tổng giá trị bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm thân tàu là 15 triệu Đô la Mỹ đã bị hư hỏng nghiêm trọng do sự cố nổ, cháy vào ngày 8 tháng 1 năm 2019. Cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, tàu vẫn đang trong tình trạng hư hỏng, dừng hoạt động và neo chờ. Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã phân loại giá trị còn lại của con tàu này với số dư là 332.438.567.047 VND từ khoản mục tài sản cố định hữu hình sang khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 11).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Bao gồm trong số dư phải thu bảo hiểm tàu Aulac Fortune là giá trị còn lại của tàu với số tiền 332.438.567.047 VND nêu trên và các khoản Công ty đã chi trả liên quan đến việc cứu hộ tàu với số tiền là 61.612.500.000 VND. Công ty đã yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex ("PJICO") giải quyết bồi thường đối với giá trị bảo hiểm thân tàu và khoản chi cứu hộ này theo các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm mà Công ty đã ký kết với PJICO. Tuy nhiên, PJICO chưa đưa ra thông báo bồi thường đối với các khoản nêu trên. Do đó, Công ty đã nộp Đơn khởi kiện PJICO lên Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh ("VIAC").

Vào ngày 27 tháng 5 năm 2021, Hội đồng Trọng tài thuộc VIAC đã ra Phán quyết số 192/19 HCM ("Phán quyết 192"), tuyên buộc PJICO phải thanh toán cho Công ty với tổng số tiền là 495.373.079.569 VND, chủ yếu là giá trị bảo hiểm thân tàu Aulac Fortune, lãi phạt quá hạn và các khoản chi phí liên quan đến tàu Aulac Fortune mà Công ty đã trả trước. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa nhận được bất kỳ phản hồi chính thức nào từ PJICO về việc sẽ thực thi các yêu cầu theo Phán quyết 192. Thay vào đó, Công ty nhận được Thông báo số 99/TB-TLVDS từ Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ("TAND TP. HCM") để ngày 14 tháng 7 năm 2021, thông báo rằng PJICO đã có đơn yêu cầu TAND TP. HCM tuyên hủy Phán quyết 192 nói trên và yêu cầu Công ty nộp các tài liệu có liên quan cho TAND TP. HCM.

Vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, yêu cầu hủy Phán quyết 192 từ PJICO đang được TAND TP. HCM thụ lý.

(**) Số cuối kỳ chủ yếu là khoản đặt cọc trị giá 112.376.439.300 VND theo thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng đất số 17/20/ASC/HĐDV ngày 26 tháng 3 năm 2020, thực hiện theo Nghị Quyết số 10-2019/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua phương án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng và trung tâm đào tạo thuyền viên.

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (***)	31.608.221.670	23.712.109.570
Công cụ và dụng cụ	16.311.190.056	20.155.314.749
TỔNG CỘNG	47.919.411.726	43.867.424.319

(***) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thể hiện phần nhiên liệu tồn trên các tàu của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm nhiên liệu tồn vẫn còn lưu trữ trên tàu Aulac Fortune là 3.272.069.690 VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng lượng nhiên liệu tồn trên tàu Aulac Fortune vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 không bị hư hỏng và tổn thất sau sự cố nổ, cháy tàu đã trình bày ở *Thuyết minh số 8*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	654.353.225	43.284.903
Phí thuê văn phòng	435.316.000	-
Phí bảo hiểm	219.037.225	43.284.903
Dài hạn	25.421.850.445	19.590.460.271
Chi phí sửa chữa tàu	20.933.398.899	19.590.460.271
Chi phí thiết kế và thi công văn phòng	3.364.171.000	-
Máy móc, thiết bị	1.124.280.546	-
TỔNG CỘNG	26.076.203.670	19.633.745.174

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	Phương tiện vận tải	Máy móc và thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.224.568.397.632	915.759.796	1.225.484.157.428
Mua mới	-	42.800.000	42.800.000
Thanh lý, nhượng bán	(187.365.942.961)	-	(187.365.942.961)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.037.202.454.671	958.559.796	1.038.161.014.467
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	3.199.871.331	915.759.796	4.115.631.127
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	689.525.634.928	915.759.796	690.441.394.724
Khấu hao	47.875.708.564	2.377.778	47.878.086.342
Thanh lý, nhượng bán	(174.392.194.534)	-	(174.392.194.534)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	563.009.148.958	918.137.574	563.927.286.532
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	535.042.762.704	-	535.042.762.704
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	474.193.305.713	40.422.222	474.233.727.935
<i>Trong đó:</i>			
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	350.003.104.765	-	350.003.104.765

Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã phân loại giá trị còn lại của tàu Aulac Fortune với số tiền là 332.438.567.047 VND từ khoản mục tài sản cố định hữu hình sang khoản mục phải thu ngắn hạn khác như đã trình bày tại *Thuyết minh số 8*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Standard Maritime Pte Ltd	6.845.347.199	2.819.932.722
Jiratan Group Co., Ltd	3.724.480.835	58.543.689
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	3.109.767.914	2.992.607.385
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Hàn Việt	2.354.344.092	5.775.059.552
Các bên khác	3.338.295.574	15.355.568.681
TỔNG CỘNG	19.372.235.614	27.001.712.029

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.845.780.841	9.475.665.961	(9.845.780.841)	9.475.665.961
Thuế thu nhập cá nhân	431.494.635	1.317.513.400	(1.586.987.513)	162.020.522
TỔNG CỘNG	10.277.275.476	10.793.179.361	(11.432.768.354)	9.637.686.483

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phí bảo hiểm	561.965.187	695.717.093
Phí hoa hồng	409.371.087	-
Khác	1.179.317.545	780.096.735
TỔNG CỘNG	2.150.653.819	1.475.813.828

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ tức phải trả	43.329.179.460	2.641.515.860
Phí hoa hồng	522.507.380	3.500.329.646
Các khoản khác	2.725.081.245	3.265.616.023
TỔNG CỘNG	46.576.768.085	9.407.461.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	8.361.223.165	10.821.278.942
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(2.790.090.000)</u>	<u>(3.131.738.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>5.571.133.165</u>	<u>7.689.540.942</u>

81
ÔN
VHI
T
ET
P

Công ty Cổ phần Âu Lạc

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Trả tiền vay	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ngắn hạn					
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	128.561.370.000	(84.318.620.000)	36.740.963.000	(196.911.000)	80.786.802.000
Dài hạn					
Vay ngân hàng	117.953.220.000	-	(36.740.963.000)	(594.594.000)	80.617.663.000
TỔNG CỘNG	246.514.590.000	(84.318.620.000)	-	(791.505.000)	161.404.465.000

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Thời gian đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	14.417.520.000	624.000	Đến ngày 16 tháng 12 năm 2021	LIBOR 3 tháng + 4%
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh – Khoản vay 1	90.062.700.000	3.900.000	Đến ngày 11 tháng 7 năm 2023	LIBOR 6 tháng + 2,4%
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh – Khoản vay 2	56.924.245.000	2.465.000	Đến ngày 12 tháng 9 năm 2023	LIBOR 6 tháng + 2,3%
TỔNG CỘNG	161.404.465.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	80.786.802.000			
Vay dài hạn	80.617.663.000			

Các khoản vay ngân hàng đều được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là các con tàu của Công ty với tổng giá trị còn lại là 350.003.104.765 VND (Thuyết minh số 11).

30
T
H
Y
Y
A
N
50

Công ty Cổ phần Âu Lạc

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
VND						
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	564.706.200.000	254.725.820.000	(64.308.111.200)	77.192.455.007	166.169.701.822	998.486.065.629
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	10.858.002.774	10.858.002.774
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(30.722.000.400)	(30.722.000.400)
Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.116.000.000)	(1.116.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>564.706.200.000</u>	<u>254.725.820.000</u>	<u>(64.308.111.200)</u>	<u>77.192.455.007</u>	<u>145.189.704.186</u>	<u>977.506.068.003</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	564.706.200.000	254.725.820.000	(64.308.111.200)	80.513.234.690	168.390.985.557	1.004.028.129.047
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	37.814.038.846	37.814.038.846
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(40.962.667.200)	(40.962.667.200)
Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	(1.170.000.000)	(1.170.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>564.706.200.000</u>	<u>254.725.820.000</u>	<u>(64.308.111.200)</u>	<u>80.513.234.690</u>	<u>164.072.357.203</u>	<u>999.709.500.693</u>

(*) Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	56.470.620	56.470.620
Cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	56.470.620 56.470.620	56.470.620 56.470.620
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(5.267.286)	(5.267.286)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	51.203.334 51.203.334	51.203.334 51.203.334

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

18.3 Cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	2.641.515.860	1.932.792.600
Cổ tức công bố trong năm	40.962.667.200	30.722.000.400
Cổ tức đã chi trả	<u>(275.003.600)</u>	<u>(302.167.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>43.329.179.460</u>	<u>32.352.626.000</u>

18.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	37.814.038.846	10.858.002.774
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	51.203.344	51.203.334
Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</i>	739	212
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)</i>	739	212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU THUẬN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển và hàng hải	172.743.249.541	268.312.751.526
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	3.481.684.254	-
TỔNG CỘNG	<u>176.224.933.795</u>	<u>268.312.751.526</u>

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn dịch vụ vận tải biển và hàng hải	171.484.819.879	227.085.152.973
Giá vốn dịch vụ khác	2.461.623.136	-
TỔNG CỘNG	<u>173.946.443.015</u>	<u>227.085.152.973</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.537.856.474	693.988.376
Lãi tiền gửi	1.804.685.959	4.911.261.237
Lãi từ bán các khoản đầu tư	-	810.000.000
TỔNG CỘNG	<u>4.342.542.433</u>	<u>6.415.249.613</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	3.065.071.862	7.433.372.828
Dự phòng tổn thất đầu tư	129.529.196	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.864.133	1.785.744.200
Khác	6.190.548	10.538.940
TỔNG CỘNG	<u>3.220.655.739</u>	<u>9.229.655.968</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí hoa hồng	<u>4.001.556.406</u>	<u>5.185.884.291</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nhân viên	9.023.629.602	9.685.574.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.405.459.587	2.922.204.448
Chi phí khác	<u>888.196.828</u>	<u>902.609.873</u>
TỔNG CỘNG	<u>14.317.286.017</u>	<u>13.510.389.129</u>

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Thu nhập khác	86.934.646.146	247.634.263
Thu nhập từ thanh lý tài	76.636.887.396	-
Thu nhập từ tiền phạt và được bồi thường	10.131.155.402	-
Khác	166.603.348	247.634.263
Chi phí khác	24.726.476.390	6.378.101.573
Chi phí liên quan đến sự cố tàu Aulac Fortune	24.666.476.390	6.378.101.573
Chi phí khác	<u>60.000.000</u>	<u>-</u>
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>62.208.169.756</u>	<u>(6.130.467.310)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Chi phí nguyên liệu	60.866.855.868	96.745.641.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.261.474.422	63.510.203.836
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 11</i>)	47.878.086.342	52.259.058.646
Chi phí nhân viên	28.847.248.413	30.366.769.799
Chi phí khác	2.411.620.393	2.899.752.670
TỔNG CỘNG	<u>192.265.285.438</u>	<u>245.781.426.393</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>9.475.665.961</u>	<u>2.728.448.694</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>47.289.704.807</u>	<u>13.586.451.468</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	9.457.940.961	2.717.290.294
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	<u>17.725.000</u>	<u>11.158.400</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>9.475.665.961</u>	<u>2.728.448.694</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>		VND
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc</i>	
<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	
Chi phí phụ tùng của tàu bị nạn chưa được bồi thường	608.429.282	608.429.282	-	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>		VND
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	
Bà Ngô Thu Thúy	Chủ tịch	204.000.000	204.000.000	
Ông Nguyễn Đức Hình	Phó Chủ tịch	198.000.000	198.000.000	
Bà Trần Ngọc Anh Đào	Thành viên	150.000.000	150.000.000	
Ông Mai Văn Tùng	Thành viên	150.000.000	150.000.000	
Ông Trần Linh Vĩ	Thành viên	150.000.000	-	
Ông Đặng Vinh Sang	Thành viên	-	150.000.000	
Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc	1.230.960.538	1.229.810.772	
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	668.422.575	666.459.890	
Ông Hồ Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	634.136.859	632.007.146	
TỔNG CỘNG		3.385.519.972	3.380.277.808	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 649.695 Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 597.513 Đô la Mỹ).

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải biển và hàng hải. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

31. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài sự kiện được trình bày tại *Thuyết minh số 8*, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Lê Hải Anh
Người lập



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 10 năm 2021